

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- MỤC ĐÍCH
- PHẠM VI
- TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- NỘI DUNG QUY TRÌNH
- BIỂU MẪU
- HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Thanh Trúc	Phạm Thị Minh Hiếu	Ngô Thái Chân
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Chi cục Trưởng Chi cục Trồng trọt và BVTV	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

[illegible]

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

1. MỤC ĐÍCH

Quy định thành phần hồ sơ, lệ phí (nếu có), trình tự, cách thức và thời gian giải quyết hồ sơ hành chính của cơ quan theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dịch vụ hành chính công phù hợp với thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính địa phương.
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- | | | |
|-------------|---|--|
| - UBND | : | Ủy ban nhân dân |
| - TTHC | : | Thủ tục hành chính |
| - QT | : | Quy trình |
| - TT | : | Thủ tục |
| - ISO | : | Hệ thống quản lý chất lượng – TCVN ISO 9001:2015 |
| - HS | : | Hồ sơ |
| - SXPB | : | Sản xuất phân bón |
| - CCTT&BVTV | : | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1	Cơ sở pháp lý		
	- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; - Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật, luật trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; - Mục A.II Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường.		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:</i>		
	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.		x
	<i>b) Trường hợp hồ sơ không thay đổi:</i> Tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	<i>c) Trường hợp thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón:</i>		
	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.		x
	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.	x	
	<i>d) Trường hợp thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:</i>		
	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.	x	
	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.	x	
	<i>đ) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:</i>		
	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	x	

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

	theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.			
	Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.		x	
5.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
5.4	Thời gian xử lý			
	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường hoặc trực tuyến thông qua hệ thống dịch vụ công. - Trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/xã, phường.			
5.6	Phí, Lệ phí			
	- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

	<i>Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).</i>			
B1	Tiếp nhận hồ sơ, lập biên nhận hoặc phiếu hẹn.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	1/2 ngày	Giấy biên nhận/Phiếu hẹn
B2	Kiểm tra/thẩm định hồ sơ-thẩm định thực tế	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	16,5 ngày làm việc B2.1. (1/2 ngày) Lãnh đạo CCTT&BVTV tiếp nhận và chuyển chuyên viên. B2.2. (15 ngày) Chuyên viên thẩm định/giải quyết hồ sơ rà soát nội dung đăng ký. + Trường hợp đạt: Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện SXPB. + Trường hợp không đạt: Dự thảo văn bản thông báo không cấp giấy nêu rõ lý do. B2.3. (01 ngày) Lãnh đạo CCTT&BVTV xem xét kết quả xử lý/giải quyết hồ sơ và ký tắt kết quả trình qua Giám đốc Sở	Theo B1
B3	Phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ hành chính	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày	Theo kết quả B2
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư	01 ngày	B3
B5	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	Không tính thời gian giải quyết	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện SXPB. - Hoặc văn

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

				bản thông báo không cấp giấy nêu rõ lý do.
	<i>Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)</i>			
B1	Tiếp nhận hồ sơ, lập biên nhận hoặc phiếu hẹn.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	1/2 ngày	Giấy biên nhận/Phiếu hẹn
B2	Kiểm tra/thẩm định hồ sơ	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc B2.1. (1/2 ngày) Lãnh đạo CCTT&BVTV tiếp nhận và chuyển chuyên viên B2.2. (02 ngày) Chuyên viên thẩm định/giải quyết hồ sơ rà soát nội dung đăng ký. + Trường hợp đạt: Dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện SXPB. + Trường hợp không đạt: Dự thảo văn bản thông báo không cấp giấy nêu rõ lý do. - B2.3. (1/2 ngày) Lãnh đạo CCTT&BVTV xem xét kết quả xử lý/giải quyết hồ sơ và ký tắt kết quả chuyển Giám đốc Sở	Theo B1
B3	Phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ hành chính	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	B2
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư	1/2 ngày	B3

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	QUY TRÌNH Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Mã hiệu: QT-35/BVTV
		Lần ban hành: 04
		Ngày ban hành: 29/5/2026

B6	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, xã, phường	Không tính thời gian giải quyết	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện SXPB. - Hoặc văn bản thông báo không cấp nêu rõ lý do.
----	--	---	---------------------------------	--

6. BIỂU MẪU

- Mẫu Giấy biên nhận hồ sơ hoặc sổ giao nhận hoặc phiếu hẹn.
- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU:

Stt	Tên hồ sơ	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Biên nhận hồ sơ/sổ giao nhận/phiếu hẹn	Bộ phận một cửa	01 năm
2	Bộ hồ sơ theo mục 5.2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Lâu dài
3	- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP). - Thời hạn hiệu lực: + Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm. + Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: Thời hạn Giấy chứng nhận theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Lâu dài